|  |  |
| --- | --- |
| Trường: THCS Nguyễn Du**Tổ: Văn, Sử, Địa, GDCD** | Họ và tên giáo viên:**Nguyễn Sinh** |
| **Tuần 28****Ngày soạn:30/03/2024** **Tiết 109 Văn bản 3: NÓI VỚI CON** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Cảm nhận được tình cảm gia đình ấm cúng, tình yêu quê hương thắm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bĩ của “người đồng mình” và mong mỏi của một người cha với con qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương. [1].

- Tình cảm thắm thiết của cha mẹ với con cái. [2].

- Tình yêu và niềm tự hào về vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt của quê hương. [3].

- Hình ảnh và cách diễn đạt độc đáo của tác giả trong bài thơ. [4].

***2. Về năng lực:***

***\* Năng lực chung:***

**-** Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [5].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bàigiảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [6].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt [7].

- Đọc - hiểu một văn bản thơ trữ tình. [8].

- Phân tích cách diễn đạt độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi. [9].

***\* Năng lực riêng:***

- Năng lực tự học và sáng tạo; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực hợp tác.... [10].

- Năng lực cảm thụ văn học, đọc hiểu tác phẩm thông qua đặc trưng thể loại. [11].

***3. Về phẩm chất:***

- Trân trọng tình yêu cha mẹ trong cuộc sống, biết kế tục và gìn giữ bản sắc truyền thống của cha ông.

- Giữ gìn, phát huy truyền thống gia đình Việt Nam**.**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Bài soạn, sách tham khảo, máy tính, loa đài. Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

2. Học sinh: Đọc trước bài và soạn bài, hoàn thành phiếu học tập ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh nghe bài hát “Tình cha” -> Đặt câu hỏi: Em cảm nhận được gì từ lời bài hát đó?

- HS trình bày ý kiến.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV tổ chức cho Hs nghe bài hát.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe âm thanh, giai điệu lời bài hát để dự đoán câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GVchỉ định Hs trả lời.

- Hs báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án và nhấn mạnh nội dung câu hỏi.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

GV nhận xét, dẫn vào bài: *Lòng thương yêu con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, của quê hương vốn là một tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam từ xưa đến nay. Bài thơ “****Nói với con****” của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong nguồn cảm hứng rộng lớn, phổ biến ấy nhưng tác giả lại có cách nói xúc động của riêng mình. Điều tạo nên cái riêng, động đáo ấy là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (90’)**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản (70’)**

**I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN**

**Mục tiêu**:[1]; [2]; [3]; [4]; [5]

**Nội dung**:

**GV** sử dụng KT chia sẻn hóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.

**HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.

**Tổ chức thực hiện**

**1. Tác giả**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).

- Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.

|  |
| --- |
|  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** |
| 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Y Phương? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 2. Nêu phương thức biểu đạt chính của bài thơ? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | ………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………. |
| 4. Văn bản được viết theo đề tài nào? | ………………………………………………….………………………………………………… |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.

- HS đại điện cặp đôi trình bày sảnphẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo ( nếu thấy chính xác). Đổi phiếu hoạt động cặp đôi cho nhau để kiểm tra, nhận xét bổ sung kiến thức.

**B4: Kết luận, nhận định**

**HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

**GV**:

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau:

**2. Tác phẩm**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**a. Đọc**

- Hướng dẫn đọc nhanh.

+ Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.

+Thể hiện tình cảm chân thành

- Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).

+ Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.

+ Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.

- Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.

b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại trong phiếu học tập số 1.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.

2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:**
1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.

2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:**

- Trả lời các câu hỏi của GV.

- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.

- Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau.

Sản Phẩm

**1. Tác giả**

**\* Tác giả**: Y Phương ( 1948) tên Hứa Vĩnh Sước- Quê Trùng Khánh – Cao Bằng- Là nhà thơ dân tộc Tày.

Thơ ông mộc mạc, chân thành, sâu lắng thiết tha.

**2. Tác phẩm**:

**a. Đọc**

- Giọng ấm áp, yêu thương

tự hào.

- Được in trong tập thơ Việt Nam (1945-1985).

**b.Tìm hiểu thể thơ, bố cục:**

- Thể thơ tự do.

- Nội dung: Bài thơ là lời tâm tình đầy trìu mến thương yêu của người cha với con về cuội nguồn sinh dưỡng, về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương.

**+ 2 phần**:

- P1 đến “ trên đời”-> Nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng.

- P2: Còn lại-> Nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong ước về con.

=> Mạch cảm xúc: Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm thân thiết gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống.

**II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI (60’)**

1. **Cha nói với con về cuội nguồn sinh dưỡng:**

**Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [7]; [8]

**Nội dung**: **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.

**HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Chia nhóm lớp.

- Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5,6.

- Thời gian: 10 phút

|  |
| --- |
|  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |
| 1. Bài thơ Nói với con thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 2. Đọc 4 câu thơ đầu em hình dung được cảnh gì? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 3. Để diễn tả sự lớn lên của con, tác giả đã sử dụng hình ảnh nào? | …………………………………………………………………………………………………… |
| 3. Văn bản này có thể chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính từng phần? | ………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………. |
| 4. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì? | ………………………………………………….………………………………………………… |
| 5. Tác dụng của các hình ảnh và cách diễn đạt đó? | ……………………………………………………… |
| 6. Ngoài 4 câu thơ trên, còn có câu thơ nào cũng nói về cuộc sống gia đình hạnh phúc, đầm ấm? | ……………………………………………………… |

\* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của người cha lên màn hình máy chiếu.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).

- Đọc bốn câu thơ đầu:

“*Chân phải... cha*

*Chân trái ... mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười.*

**GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**

 - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

**Sản phẩm**

|  |
| --- |
| **\* Con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ.**- Hình ảnh bước chân.*Chân phải... cha**Chân trái ... mẹ**Một bước chạm tiếng nói**Hai bước tới tiếng cười.*-> Điệp ngữ, phép liệt kê -> tả, kể đứa trẻ lẫm chẫm tập đi, tập nói lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.-> *Tạo không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt*.**\* Con lớn lên trong sự đùm bọc của quê hương nghĩa tình.**=> Các động từ “cài, ken” + các danh từ “nan hoa, câu hát” -> cuộc sống tươi vui, đoàn kết gắn bó của “người đồng mình”=> Cách nói ví von, giàu hình ảnh qua những hình ảnh cụ thể “rừng - hoa”, “con đường - tấm lòng” + điệp từ “cho”=> Miêu tả cụ thể cuộc sống lao động cần cù, tươi vui, ngoài ra còn thể hiện sự gắn bó, quấn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương.*Rừng cho hoa**Con đường cho những tấm lòng*-> Nghệ thuật: ẩn dụ ->Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình;đó là sự che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.***-> Gia đình, quê hương chính là nôi êm của đời con.*** |

1. ***Người cha nói với con về truyền thống quê hương và niềm mong muốn của cha.***

**Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]; [9]; [10]

**Nội dung**: **GV** sử dụng cặp đôi để tìm hiểu về lời của người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người.

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về lời của người cha nói với con.

**HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hs nghiên cứu ngữ liệu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

? Con được lớn trong tình yêu thương sự nâng đỡ của cha mẹ, bên cạnh đó con còn được lớn, trưởng thành từ đâu nữa?

? Cuộc sống lao động của người đồng mình được gợi lên qua các hình ảnh nào?

? Nhận xét gì về các từ **cài, ken** trong hai câu thơ trên?

? Cuộc sống lao động của “**Người đồng mình**” là cuộc sống như thế nào?

? Từ những đức tính quý báu này của *“người đồng mình”*, người cha mong ước ở con điều gì? Em có nhận xét gì về những điều mong ước đó?

? Cuối cùng người cha thúc giục con yêu điều gì?

? Em có nhận xét gì về cách kết thúc của bài thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).

- Đọc bốn câu thơ đầu:

“*Chân phải... cha*

*Chân trái ... mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười.*

**GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 ( khai thác kiến thức từ 4 câu thơ đầu)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV**:

- Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:**

 - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS.

- Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.

Tác giả đã nhập thân vào người cha để tâm sự với con của minh mà ta ngỡ như nhà thơ đang đối thoại với chính chúng ta vậy. Những lời vàng ngọc mà thấm thía như làm cho tâm hồn ta thêm trong sạch và phong phú hơn. Đó cũng chính là sức mạnh cảm hóa đặc biệt của văn chương trong đời sống tinh thần của con người.

**Sản phẩm**

\* Niềm tự hào về sức sống bền bỉ, về những truyền thống văn hóa của quê hương:

=> Điệp ngữ “người đồng mình” được lặp lại 3 lần; lời thơ mộc mạc tha thiết được thể hiện qua các thán từ “thương lắm, yêu lắm”, “con ơi”; cách nói vừa cụ thể vữa giàu hình ảnh “Cao đo nỗi buồn, xa nôi chí lớn”, “đục đá kê cao quê hương”, “thô sơ da thịt”

=> Khẳng định, tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của “người đồng mình”: tuy vất vả mà mạnh mẽ khoáng đạt, gắn bó với quê hương; dù mộc mạc, thô sơ về hình thức (da thịt) nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, tinh thần “không ai được nhỏ bé”. “Người đồng mình” giàu lòng tự tôn, có ý thức về bản sắc dân tộc, tự , làm nền văn hóa, phong tục riêng biệt “Tự đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục”.

\* Mong ước của người cha:

*- Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*…………………………………..*

*Lên thác xuống nghềnh không lo cực nhọc*

*- Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

=> Điệp từ “sống”, “không chê”, phép so sánh, cách nói vừa cụ thể vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, giọng thơ khẳng định tâm tình tha thiết

=> Mong muốn – lời dặn dò ân cần của người cha: con phải sống thủy chung với quê hương, làng bản; chấp nhận và vượt qua những thử thách bằng niềm tin và sự nỗ lực của bản thân. Luôn tự hào về quê hương, tự tin vào chính mình để vững bước trên con đường đời.

**III. TỔNG KẾT (7’)**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút.
* GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

 - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**B4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**Sản phẩm**

**1. Nghệ thuật**

- Hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể thể hiện các nói đặc trưng của đồng bào miền núi.

- Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm - nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.

**2. Nội dung**

- Người cha nói với con người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc lam lũ nhưng mạnh mẽ, giàu chí lớn, luôn yêu quý tự hào và gắn bó với quê hương.

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Qua bài thơ, em thấy tình cảm của người cha đối với con như thế nào? Điều lớn nhất người cha muốn truyền cho con và giáo dục con là gì?

? Phát biểu suy nghĩ của em sau khi học xong bài thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời.
* GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

 - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.

**B4: Đánh giá, kết luận (GV):**

GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Nói với con, người cha đã bộc lộ chính mình. Em thấy người cha trong bài thơ là người như thế nào?

? Nếu là con người, em có suy nghĩ gì trước những lời nhắn nhủ của người cha?

? Vẽ sơ đồ tư duy bài thơ “ Nói với con” của tác giả Y Phương

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- 2 HS trả lời.

- HS trình bày ý kiến.

- HS khác nhận xét, bổ sung.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, định hướng câu trả lời liên hệ thực tế cho các em.

- HS vẽ sơ đồ tư duy theo gời ý dưới đây trên máy chiếu.



|  |
| --- |
| **Tuần 28****Ngày soạn:30/03/2024 Tiết 110-102 VIẾT:****VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG** |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Nắm được cấu trúc 3 phần của bài viết trình bày một vấn đề đời sống.

- Nắm được cách sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để chứng minh vấn đề.

- Nắm được các bước làm bài viết về một vấn đề trong đời sống.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

- Năng lực trình bày vấn đề trước đám đông

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có quan điểm riêng, lập trường vững vàng đối với mỗi vấn đề đặt ra trong đời sống

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

- Video những hiện tượng xảy ra trong đời sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Mở đầu ( Khởi động- 5p)**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, lam frox bản chất của vấn đề.

Thể hiện được rõ ràng ý kiến phản đối hoặc cách hiểu khác của người viết.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- HS quan sát video trên máy chiếu về hiện tượng ô nhiễm môi trường

? Em có đồng ý với việc làm xả rác bừa bãi của một số người không? Vì sao?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, chia sẻ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh kĩ năng nói và nghe.

**Sản phẩm**

- Quan điểm cá nhân của từng HS

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (15p).**

**a. Mục tiêu** HS biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.

-Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.

-Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống ( trình bày ý kiến tán thành)**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Hs trả lời các câu hỏi sau:

+ Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?

+ Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?

+ Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?

+ Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt trong một bài viết.

**Sản phẩm**

1. Vấn đề đời sống được nêu ra bàn luận phải rõ ràng, xác đáng

2. Nêu được một quan niệm về vấn đề bàn luận

3. Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.

4. Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.

**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** - Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của việc đọc bài viết tham khảo.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Hs đọc bài viết tham khảo SGK “ Việc lớn, việc nhỏ”

+ Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài văn nghị luận?

+ Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?

+ Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?

+ Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến?

+ Bằng chứng nào nêu lên để củng cố cho lí lẽ?

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

GV dung phương pháp đàm thoại để học sinh trả lời câu hỏi-> Hs tán thành và phải bảo vệ ý kiến của mình.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh yêu cầu khi đọc trong các thẻ.

**Sản phẩm**

**1. Học sinh đọc và phân tích bài viết tham khảo**

1. Bài viết nêu vấn đề: Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.

2. Gia đình là trường học đầu tiên của mỗi người

3. Người viết tán thành với ý kiến đó. ( Riêng tôi sau khi suy nghĩ kỹ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí).

4. Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thưở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.

5. Người viết nhớ lại một kỉ niệm: Giơ bốn ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp.

**3.Hoạt động 3: Luyện tập (25p).**

**IV. Thực hành viết theo các bước**

**a.Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người viết, thực hiện đầy đủ các bước theo hướng dẫn.

- Hs đưa ra ý kiến phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Gv hướng dẫn Hs lựa chọn đề tài phù hợp

- Hs tham khảo các ý trong SGK để trả lời.

- HS lựa chọn các ý trong bì viết:

+ Vấn đề gì cần bàn luận ở bài viết?

+ Trước ý kiến trái ngược với quan điểm của bản thân, cần thể hiện ý kiến của mình như thế nào?

+ Làm cách nào để ý kiến của mình thuyết phục người đọc?

|  |
| --- |
|  **PHIẾU TÌM Ý****Họ và tên:……………….Lớp……………….****Gợi ý: Đọc kỹ đề tài, ghi lại những ý nảy sinh** **trong quá trình suy nghĩ ghi vào cột bên phải** |
| Vấn đề đới sống bàn luận | …………………………………………………………………………………………………… |
| Ý kiến của người khác cần thể hiện sự tán thành ( Ý kiến nào được người khác nêu ra? Ý kiến đó có lí ở chỗ nào? Vì sao cần tán thành ý kiến đó? | …………………………………………………………………………………………………… |
| Những lí lẽ và bằng chứng cho thấy tán thành ý kiến là có cơ sở ( Cần diễn giải điều gì để làm rõ ý kiến của mình? Với từng ý đã diễn giải, cần những bằng chứng nào để củng cố?) | ………………………………………………….………………………………………………… |

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

***Bước 4: Kết luận, nhận định.***

GV nhấn mạnh những lỗi thường gặp trong trình bày bài nói.

**Sản phẩm**

**1. Trước khi viết**

**a. Lựa chọn đề tài**

- Phải là vấn đề mình thực sự quan tâm và hiểu biết

- Có những ý kiến khác nhau khi nhìn nhận, đánh giá.

- Có thể xác định thái độ dứt khoát với vấn đề đó.

**b. Tìm ý**

- HS bộc quan điểm cá nhân trong việc tìm ý.

- Hs ghi các ý tìm được ra vở ghi

**c. Lập dàn ý**

**Mở bài:** Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận vấn đề.

**Thân bài:**

+ Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận

+ Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm ( lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống ( lí lẽ, bằng chứng)

**Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

**2. Viết bài**

Tham khảo mở bài- thân bài- kết bài SGK

**3. Chỉnh sửa bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| Yêu cầu | Gợi ý chỉnh sửa |
| Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối | Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ |
| Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu | Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng |
| Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục | Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu thấy còn thiếu |
| Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiế trái ngược vấn đề. | Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa hoặc nêu chưa rõ. |
| Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết. | Sửa những lỗi phát hiện được. |

**Phiếu đánh giá bài viết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài viết có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài viết có thể hiện được tính hấp dẫn, thiết thực của vấn đề được chọn |  |
| Bài viết có lí lẽ, bằng chứng rõ ràng, mạch lạc, có các phương tiện liên kết |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí |  |
| Bài viết nêu được quan điểm của cá nhân |  |